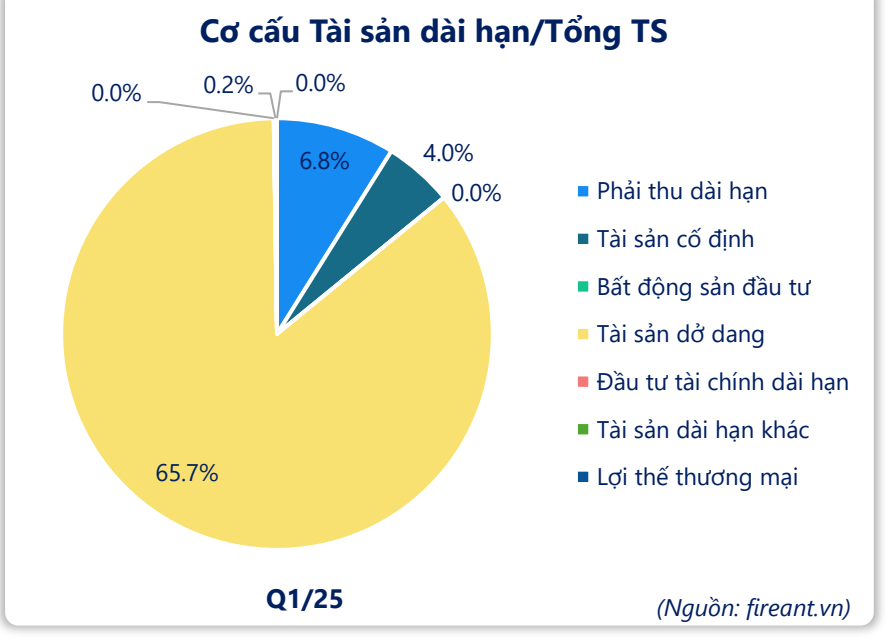
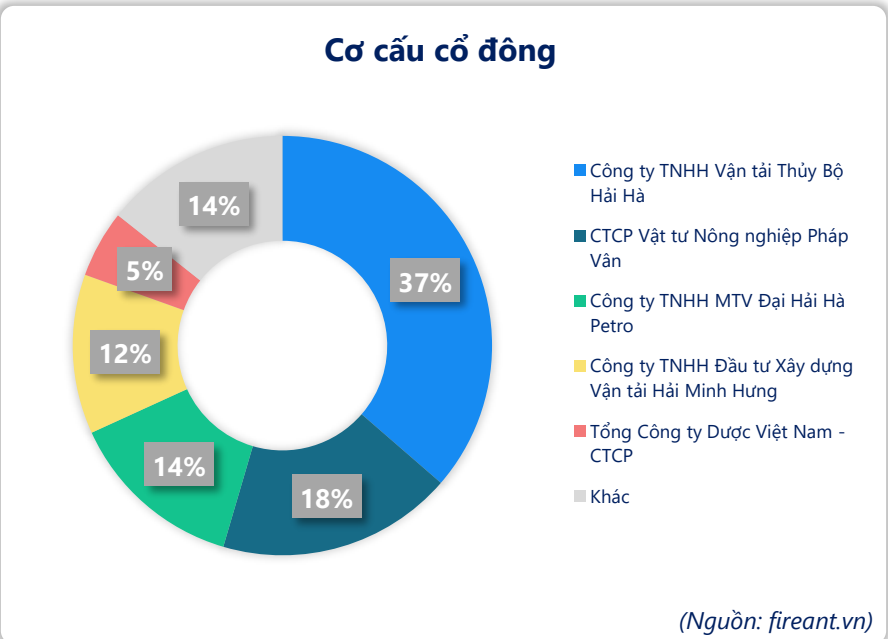
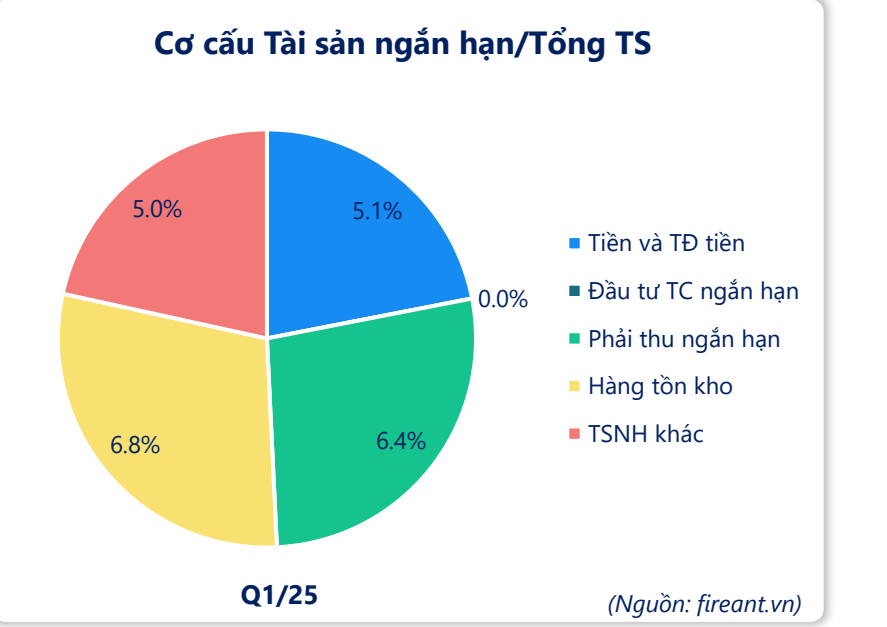
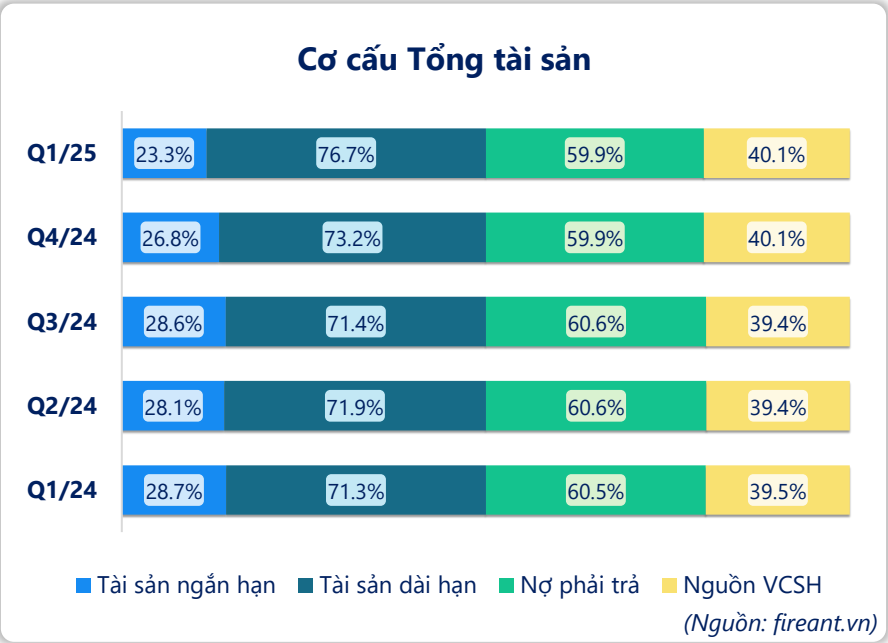
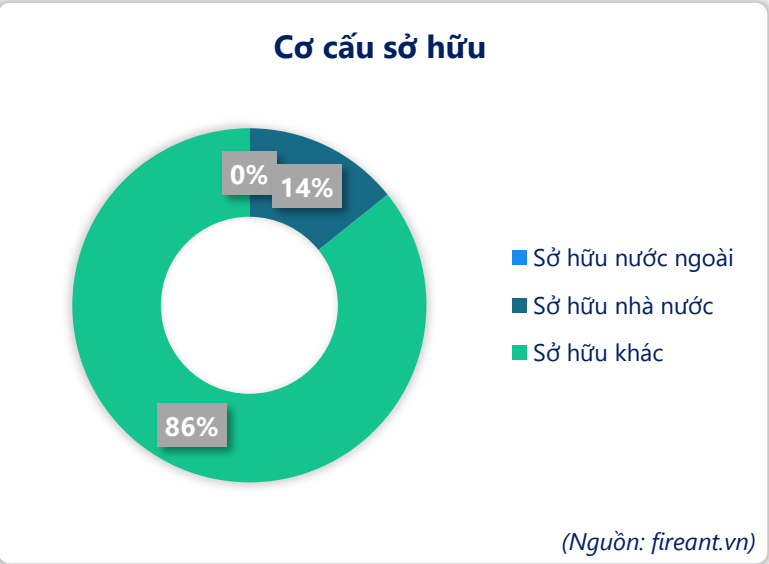
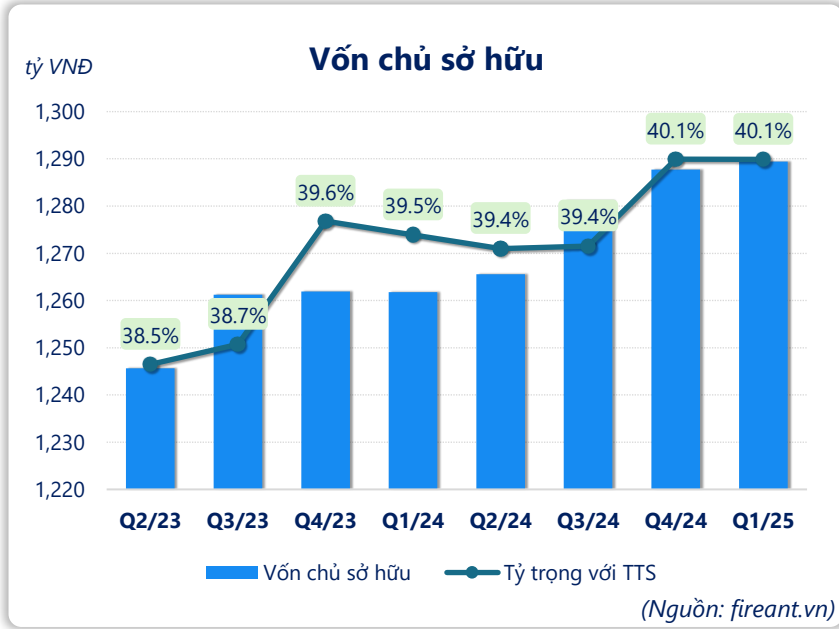
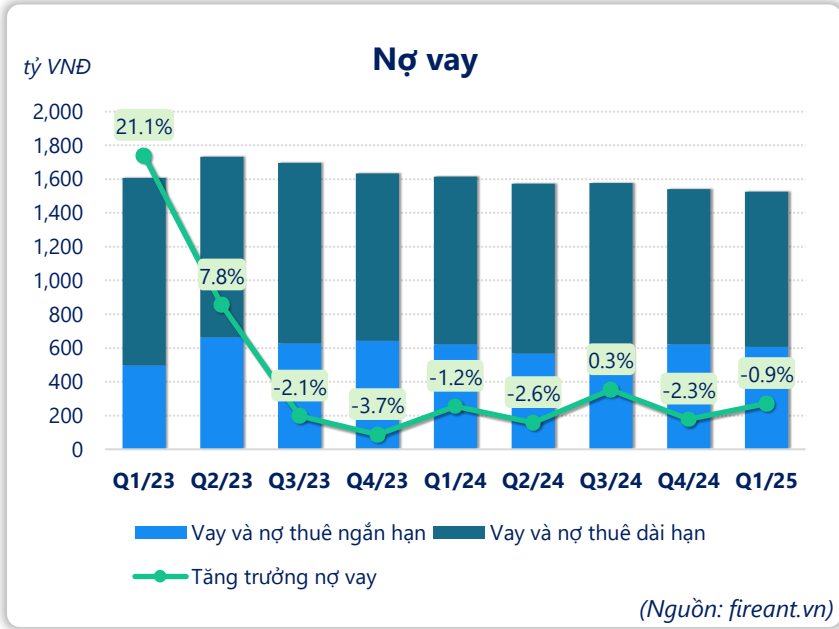
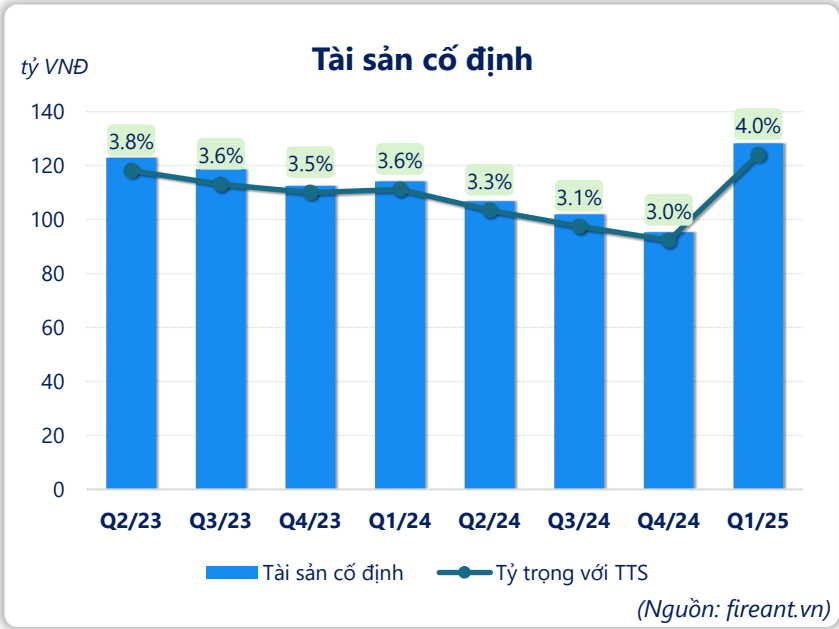
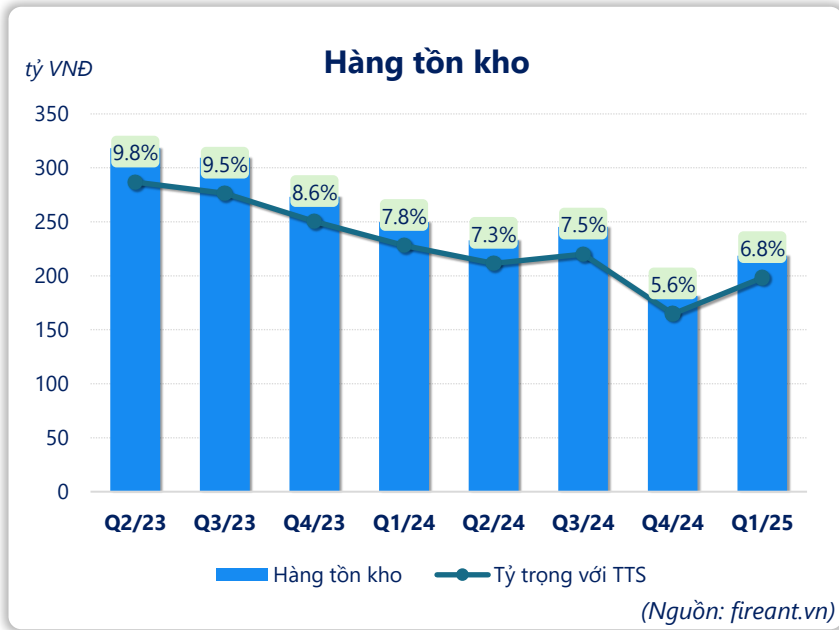
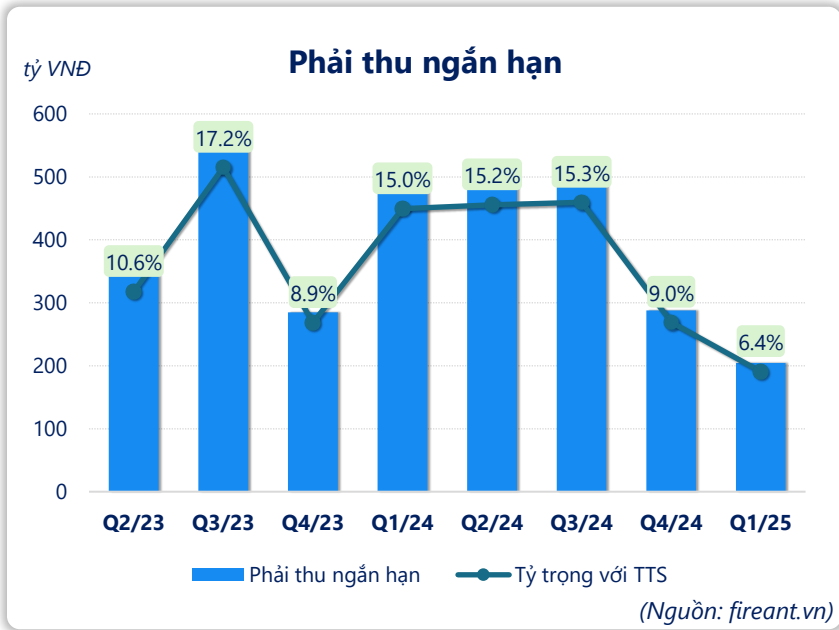
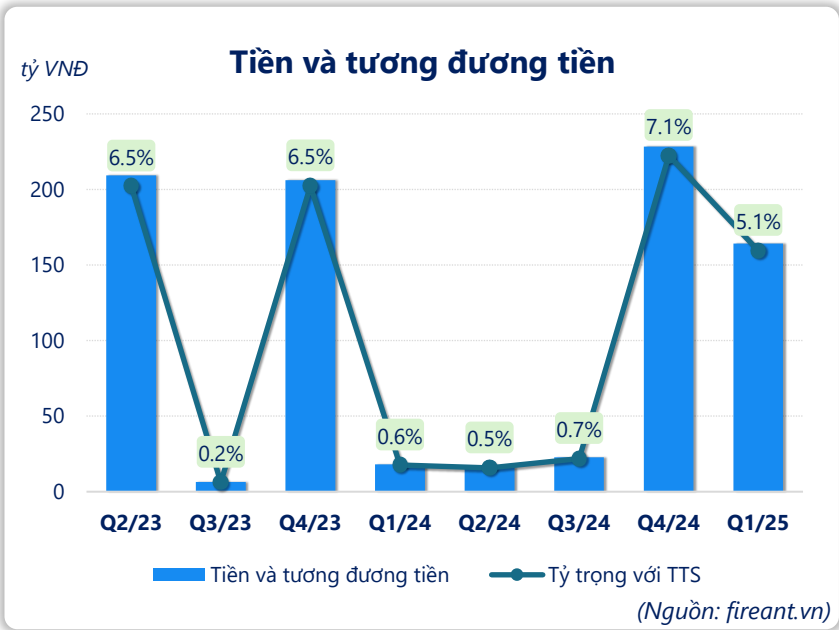
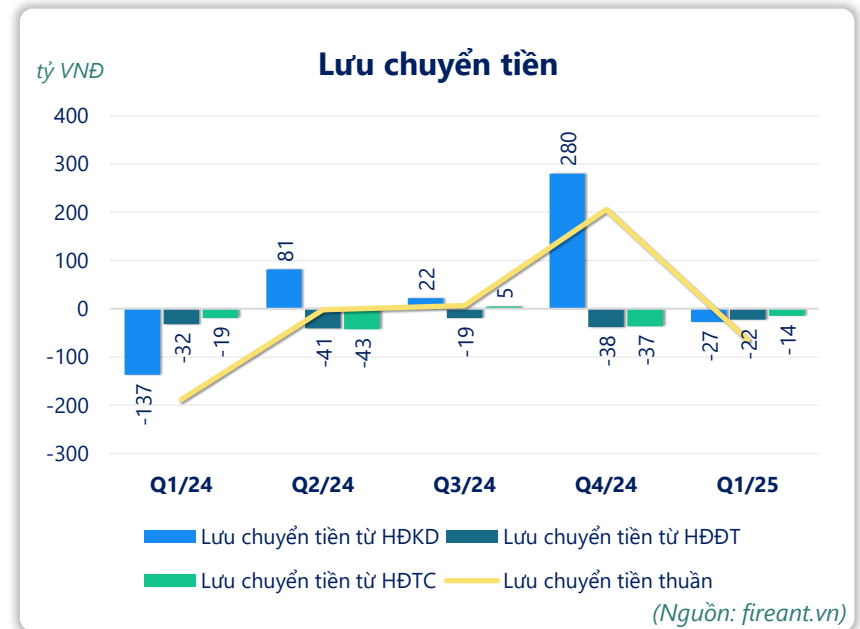
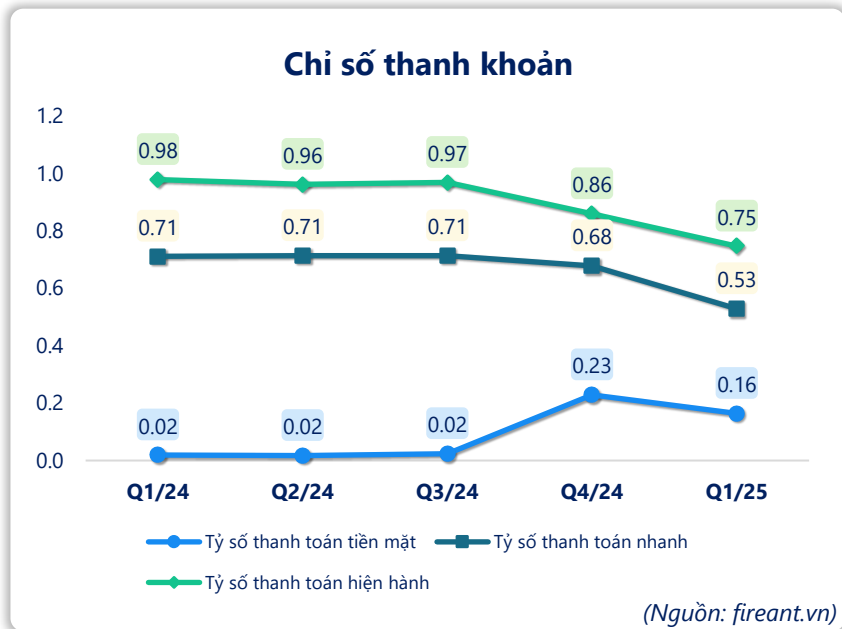
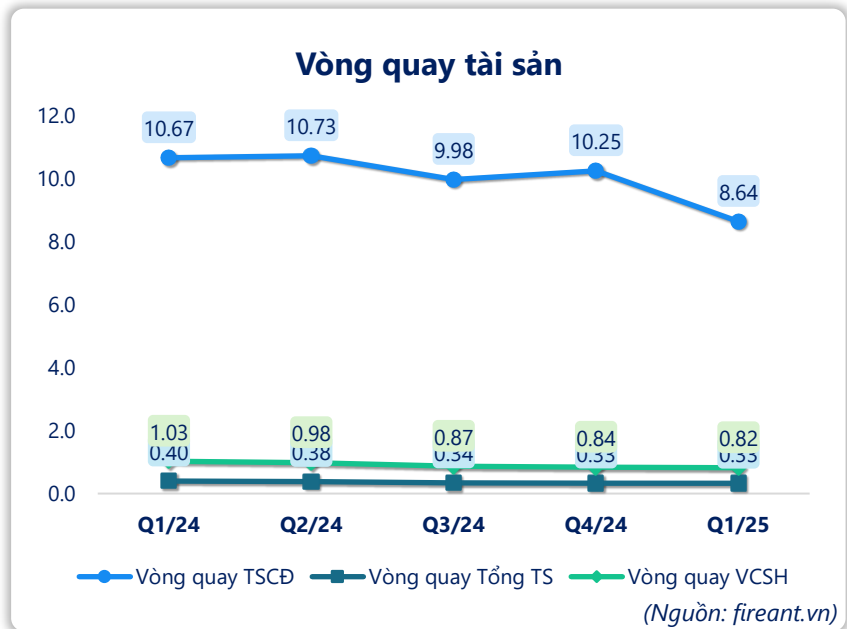
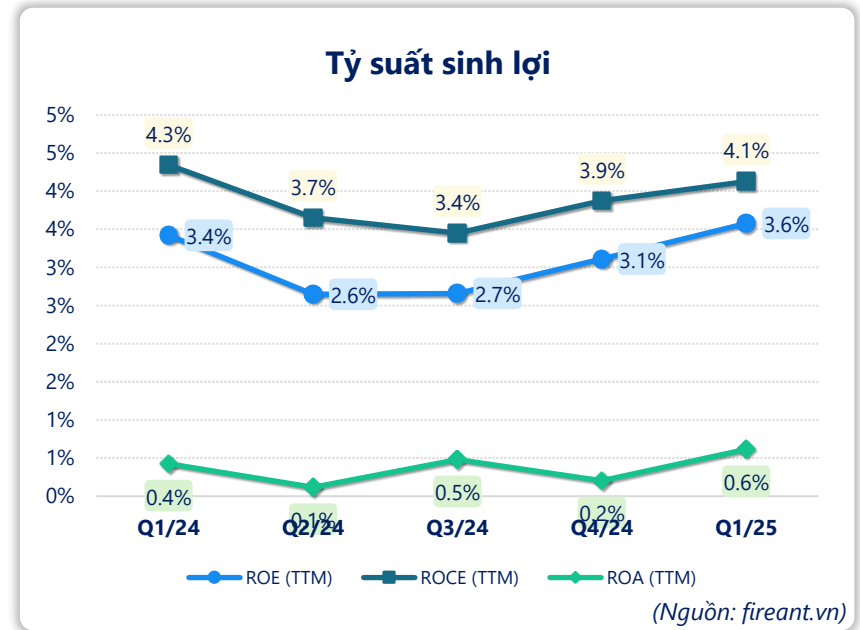
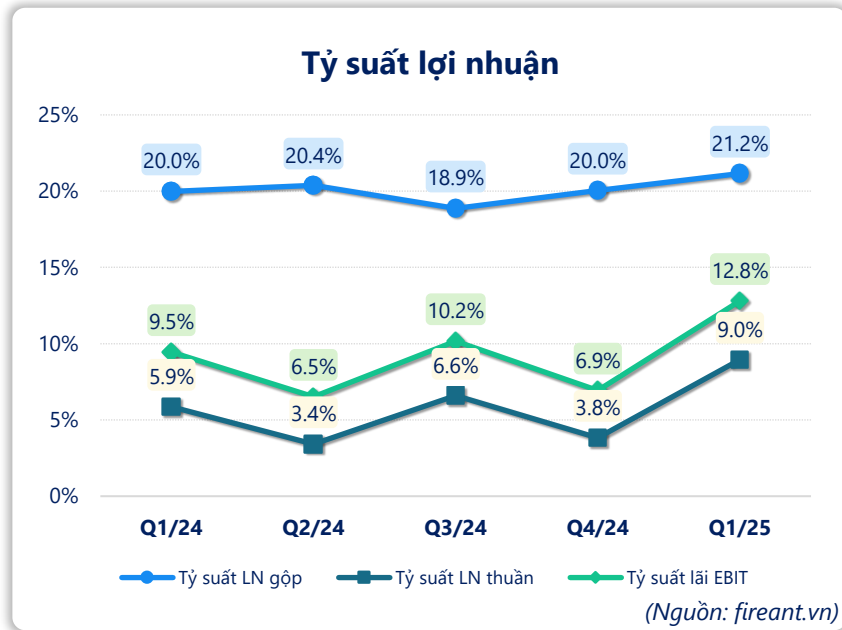
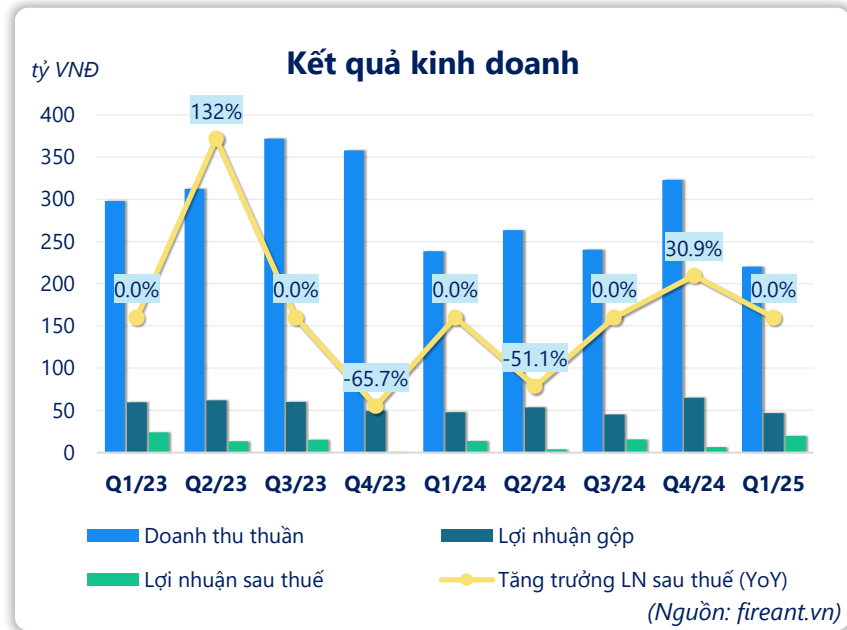


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,400
SL cổ phiếu LH		113,299,902
KLGD BQ 20 phiên (CP)		34,445
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		895
P/E		19.6
EPS		403

	YTD	1T	3T	6T
PBC	17.9%	2.6%	12.9%	12.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,214	3,168	1.5%
Tài sản ngắn hạn	748	778	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	164	228	-28.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	204	207	-1.2%
Hàng tồn kho	218	181	20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	161	161	0.0%
Tài sản dài hạn	2,466	2,390	3.2%
Phải thu dài hạn	219	157	39.9%
Tài sản cố định	128	135	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,112	2,090	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.28	0.28	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.68	7.81	-27.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,924	1,898	1.4%
Nợ ngắn hạn	1,003	976	2.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	606	621	-2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	187	175	7.2%
Nợ dài hạn	922	922	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	920	920	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,289	1,270	1.6%
Vốn chủ sở hữu	1,289	1,270	1.6%
Vốn điều lệ	1,133	1,133	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	239	263	240	323	220
Giá vốn hàng bán	191	210	195	258	174
Lợi nhuận gộp	47.7	53.7	45.3	64.7	46.6
Doanh thu HĐTC	0.42	0.80	1.19	3.34	0.37
Chi phí TC	7.57	14.3	5.93	18.3	2.48
Chi phí lãi vay	8.84	8.77	8.80	10.2	8.53
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.15	1.34	1.24	1.16	1.29
Chi phí QLDN	25.4	29.8	23.5	36.2	23.5
LN thuần từ HĐKD	14.0	9.00	15.8	12.4	19.7
Lợi nhuận khác	-0.29	-0.59	-0.20	-0.17	-0.05
LN trước thuế	13.7	8.41	15.6	12.2	19.7
Lợi nhuận sau thuế	13.7	3.77	15.6	6.53	19.7
LNST của CĐ cty mẹ	13.7	3.78	15.6	6.53	19.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-137	81.2	21.5	280	-27.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-32.2	-40.6	-19.3	-37.8	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.3	-42.5	4.58	-36.6	-14.5
Tiền đầu kỳ	206	18.0	16.1	22.8	228
Lưu chuyển tiền thuần	-188	-1.99	6.78	206	-64.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.12	-0.12	0.00	0
Tiền cuối kỳ	18.0	16.1	22.8	228	164

(Nguồn: fireant.vn)